

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/DS - ST

Ngày 27 tháng 12 năm 2021

(V/v Tranh chấp Hợp đồng bảo hiểm)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH HƯNG YÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phan Thị Nhiên.**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Văn Thanh.**

Ông Vũ Minh Đón.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: **Ông Nguyễn Bá Thuận** - Thư ký viên chính
Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: **Ông Nguyễn Ngọc Thơ**, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 tháng 12 năm 2021 và ngày 27 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2018/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp Hợp đồng bảo hiểm theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXX-ST ngày 08 tháng 01 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST-HPT ngày 25 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Đỗ Thị T**, sinh năm 1972; (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Thôn Tr, Thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Ông **Phạm Đức Đ**, sinh năm: 1981;

Địa chỉ: Phòng 211 nhà E3B Khu đô thị H, đường V, quận C, Hà Nội. (Có mặt)

Địa chỉ mới: Tán 2 Số 42, ngõ 91, D, quận C, Hà Nội.

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T:* Ông **Tạ Văn T1** - Luật sư của Công ty Luật TNHH A, thuộc đoàn luật sư Hà Nội; (Vắng mặt)

* *Bị đơn:* **Công ty P**; (gọi tắt **P**).

Trụ sở: Tầng 25, Tòa nhà Sài Gòn Trade centre, 37 Tôn Đức Thắng, phường B, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Clive Darren Baker;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **L**, Luật sư nội bộ P và ông **Đỗ Phương A**, sinh năm 1980 – Quản lý cấp cao của **Công ty P**; (ông L vắng mặt, ông A có mặt)

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn: Ông **L1 và bà L2** – Đều là luật sư của Văn phòng luật sư L1 và cộng sự, Đoàn luật sư Hà Nội. (Ông L1 vắng mặt, bà L2 có mặt)

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Đỗ Văn A1, sinh năm: 1986; (Vắng mặt)
2. Bà Đỗ Thị A2, sinh năm: 1964; (Vắng mặt)
3. Chị Đỗ Thị A3, sinh năm: 1993; (Vắng mặt)
4. Bà Nguyễn Thị A3, sinh năm: 1949; (Vắng mặt)

Đều địa chỉ: Thôn Tr, Thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

5. Ông Nguyễn Văn A5, sinh năm: 1963; (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông A5: Bà Ngô Thị Thanh A6 (là vợ ông A5). (Có mặt)

Địa chỉ: Số 320, Thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/9/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn bà Đỗ Thị T và Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào khoảng cuối năm 2015 và đầu năm 2016 ông Nguyễn Văn A5 và bà Ngô Thị Thanh A6 là Đại lý bảo hiểm của Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ P Việt Nam đã đến gia đình bà T và ông K để tư vấn và động viên ông bà tham gia bảo hiểm, sau nhiều lần ông A5 bà A6 đến tư vấn bảo hiểm thì vợ chồng bà T ông K đã quyết định tham gia bảo hiểm. Do vậy bà Đỗ Thị T cùng chồng là ông Nguyễn Duy K với Công ty TNHH P Việt Nam đã thỏa thuận ký các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ gồm:

1. Hợp đồng số: 73493142 ngày cấp giấy chứng nhận 24/12/2015, ngày hợp đồng có hiệu lực là 18/12/2015, sản phẩm Phú - Bảo Gia Thịnh Vượng với mệnh giá bảo hiểm là: 600.000.000đồng người mua bảo hiểm là Đỗ Thị T, người được bảo hiểm là (1) Nguyễn Duy K và (2) Đỗ Thị T, người thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm là Nguyễn Ngọc B. Tổng phí bảo hiểm theo định kỳ là 60.0000.000đồng/năm đã nộp 34.490.600đồng. Hợp đồng bảo hiểm do bà T và ông K trực tiếp ký kết thông qua tư vấn viên của Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ P Việt Nam là ông Nguyễn Văn A5 thời hạn bảo hiểm 34 năm.

2. Hợp đồng số: 73509061 ngày cấp giấy chứng nhận 30/12/2015, ngày hợp đồng có hiệu lực là 29/12/2015, sản phẩm Phú - Toàn Gia Hưng Thịnh với mệnh giá bảo hiểm là: 800.000.000đồng người mua bảo hiểm là Nguyễn Duy K, người được bảo hiểm là (1) Đỗ Thị T và (2) Nguyễn Duy K. Tổng phí bảo hiểm theo định kỳ là 30.654.100 đồng/năm, đã nộp 38.498.800 đồng. Hợp đồng bảo hiểm do ông K và bà T trực tiếp ký kết thông qua tư vấn viên của Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ P Việt Nam là ông Nguyễn Văn A5 thời hạn bảo hiểm 30 năm.

3. Hợp đồng số: 73531856 ngày cấp giấy chứng nhận 05/02/2016, ngày hợp đồng có hiệu lực là 01/02/2016, sản phẩm Phú - An Lộc với mệnh giá bảo hiểm là: 220.000.000đồng người mua bảo hiểm là ông K, người được bảo hiểm là ông K. Tổng phí bảo hiểm theo định kỳ là 20.003.400 đồng/năm, đã nộp đủ một năm. Hợp đồng bảo hiểm do ông K trực tiếp ký

kết thông qua tư vấn viên của Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ P Việt Nam là ông Nguyễn Văn A5, thời hạn bảo hiểm 29 năm.

4. Hợp đồng số: 73451814 ngày cấp giấy chứng nhận 31/10/2015 và có hiệu lực ngày 27/10/2015 với sản phẩm bảo hiểm Phú - Toàn Gia Hưng Thịnh với mệnh giá bảo hiểm 600.000.000đồng người mua bảo hiểm là Đỗ Thị T và người được bảo hiểm là (1)K và (2) Đỗ Thị T. Tổng phí bảo hiểm theo định kỳ là 31.766.100đồng/năm, đã nộp đủ một năm. Hợp đồng bảo hiểm do bà T trực tiếp ký kết thông qua tư vấn viên của Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ P Việt Nam là ông Nguyễn Văn A5, thời hạn bảo hiểm 30 năm.

Việc tham gia ký kết các Hợp đồng trên cơ sở nhu cầu và hoàn toàn tự nguyện.

Trong khoảng thời gian Hợp đồng bảo hiểm đang còn hiệu lực thì ngày 25/05/2016, ông K là người được bảo hiểm (chồng bà T) bị cảm và đột tử. Sau khi ông K chết và được cấp trích lục khai tử số: 531/TLKT-BS ngày 15/7/2016 của UBND thị trấn Y, tháng 8 năm 2016 bà Đỗ Thị T yêu cầu Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ P Việt Nam giải quyết quyền lợi cho mình. Tuy nhiên, ngày 02/12/2016 Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ P Việt Nam có Thư báo gửi bà T về việc từ chối chi trả quyền lợi bảo hiểm theo các Hợp đồng đã ký kết với ông K và bà T với lý do: *“ngày 18/12/2015 P đã nhận được hồ sơ yêu cầu bảo hiểm nhân thọ số 151293339 do khách hàng Đỗ Thị T lập. Trong hồ sơ yêu cầu bảo hiểm này, các câu hỏi về tình trạng sức khỏe và quá trình điều trị của Người được bảo hiểm đều được khai “không”.*

Căn cứ vào lời khai trong Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm như nêu trên, P đã chấp nhận bảo hiểm và cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm cho ông K và bà T thông qua các Hợp đồng nêu trên.

Qua thông tin do cơ quan hữu quan cung cấp, P được biết Người được bảo hiểm đã nhập viện tại Bệnh viện đa khoa X từ ngày 23/3/2011 đến ngày 24/3/2011 với lý do vào viện và bệnh sử ghi nhận: Bệnh nhân uống rượu nhiều, sùi bọt mép, gọi hỏi không trả lời - nhập viện được chẩn đoán: Ngộ độc rượu, kết quả khám ghi nhận: Hôn mê sâu Glassgow 7 điểm - huyết áp 80/50 mmhg - mạch 180 lần/phút; kết quả xét nghiệm hóa sinh máu ghi nhận: ÁT 68 U/L – Ure 11,2 mmol/L - Creatinin 183 μ mol/L - Glucose 7,3 mmol/L - Alcol 531 mg/dl - CK 246U/L - CK - MB 49 U/L, chẩn đoán và kết quả điện tim ghi nhận: Đái tháo đường - Nhịp nhanh xoang. Tuy nhiên những thông tin này đã không được Bên mua bảo hiểm thông báo cho P khi nộp hồ sơ yêu cầu bảo hiểm theo quy định tại Điều 12.2a của các Hợp đồng bảo hiểm nêu trên.

Do đó căn cứ vào điều 19 Luật kinh doanh bảo hiểm, chúng tôi rất tiếc phải thông báo:

1. Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ nêu trên được đình chỉ thực hiện ngay từ khi giao kết. Theo đó, P sẽ không giải quyết quyền lợi bảo hiểm cho hợp đồng này.

2. P sẽ hoàn trả lại cho Bên mua bảo hiểm số tiền của hợp đồng này với chi tiết như sau:

Giá trị quỹ của Hợp đồng tại ngày định giá tiếp theo (10/12/2016) ngay sau ngày Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt (07/12/2016): 34.490.600đồng”.

Không chấp nhận với kết luận này của P, bà T đã nhiều lần khiếu nại và quá trình giải quyết P xác định các Hợp đồng đã ký kết giữa P với vợ chồng bà T và ông K được thực hiện

đình chỉ ngay từ khi giao kết và không giải quyết quyền lợi bảo hiểm cho những Hợp đồng này và hoàn trả lại khách hàng tổng số tiền của 4 hợp đồng là 124.778.900đồng. Việc P chỉ căn cứ vào Bệnh án của ông K tại Bệnh viện đa khoa X để từ chối chi trả quyền lợi bảo hiểm cho người được bảo hiểm là không chính đáng. Vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu:

1. Đề nghị Tòa án tuyên bố bốn hợp đồng bảo hiểm nêu trên là hợp pháp.
2. Yêu cầu Tòa án ra phán quyết buộc Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ P phải trả số tiền bảo hiểm cho bà trong trường hợp chồng bà là ông K tử vong của 4 hợp đồng bảo hiểm với tổng số tiền là 2.220.000.000đồng.

- Bị đơn Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ P - đại diện theo uỷ quyền của Công ty trình bày tại bản tự khai ngày 03/01/2019 và tại Tòa: Về thời gian, địa điểm ký kết hợp đồng cũng như các nội dung tham gia ký kết hợp đồng bảo hiểm nhân thọ giữa các bên cũng như các sự kiện pháp lý và tranh chấp phát sinh trong quá trình chi trả bảo hiểm đối với trường hợp ông K giống như bà Đỗ Thị T đã trình bày. Ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn cụ thể:

1. P đã giám định chữ ký của ông K trong các Hợp đồng bảo hiểm đã ký kết với P kết quả chữ ký tại các Hợp đồng bảo hiểm không phải là chữ ký của ông K do vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 38 Luật kinh doanh bảo hiểm quy định “Khi bên mua bảo hiểm giao kết Hợp đồng bảo hiểm con người cho trường hợp chết của người khác thì phải được người đó đồng ý bằng văn bản ...”.

2. Về việc khai báo sức khỏe của người được bảo hiểm: Hồ sơ bệnh án số 11003797 của Bệnh viện đa khoa X, tỉnh Hưng Yên thể hiện năm 2011 ông K có nhập viện và xét nghiệm máu, nhưng tại hồ sơ yêu cầu bảo hiểm, người được bảo hiểm đã trả lời “không” vào câu hỏi về sức khỏe cụ thể:

Câu hỏi 6: *Trong vòng 5 năm qua, người được bảo hiểm có phải điều trị nội hoặc ngoại trú tại bệnh viện hoặc trung tâm y khoa nào? Nếu có vui lòng cho biết chi tiết: lúc nào, tên bệnh viện, lý do bao lâu?*

Câu hỏi 7: *Người được bảo hiểm đã từng thực hiện các xét nghiệm nào không? (siêu âm, điện tim, thử nước tiểu, thử máu, chụp X quang, chụp cắt lớp (CT), nội soi, sinh thiết...). Vui lòng ghi rõ loại xét nghiệm đã làm, kết quả, lý do và thời điểm thực hiện.*

Như vậy, bên mua bảo hiểm không khai báo thông tin trên tại hồ sơ yêu cầu bảo hiểm đã vi phạm nghĩa vụ được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 18 - Luật kinh doanh bảo hiểm, đồng thời vi phạm nghĩa vụ được quy định tại Hợp đồng bảo hiểm nên P không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và P có nghĩa vụ hoàn trả toàn bộ cho nguyên đơn tổng số tiền phí đã nộp từ 04 hợp đồng bảo hiểm là 146.283.300đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn A5 trình bày: Ông có ký Hợp đồng Đại lý bảo hiểm nhân thọ với mã số 60410676, đồng thời là tư vấn viên bảo hiểm thuộc Công ty TNHH bảo hiểm P Việt Nam từ năm 2014, với nhiệm vụ quyền hạn của mình ông và vợ ông bà Ngô Thị Thanh A6 là người trực tiếp đến nhà ông K và bà T (ông K và bà T là người cùng làng với ông) tư vấn bảo hiểm cho ông K và bà T, sau nhiều lần đi lại và tư vấn thì phía ông K và bà T đã nhất trí tham gia bảo hiểm và ông đã đưa bộ hồ sơ yêu cầu bảo hiểm của Công ty cho ông K và

bà T, ông K và bà T trực tiếp xem và điền vào đơn yêu cầu bảo hiểm, sau đó ông A5 đã chuyển bộ hồ sơ này về Công ty để thẩm định theo đúng trình tự, mấy ngày sau Công ty có Giấy mời ông K đi kiểm tra sức khỏe tại phòng khám đa khoa Việt Pháp X và phòng khám đã niêm phong kết quả khám của ông K gửi về Công ty, khoảng một tuần sau thì Công ty có thư gửi ông K và chấp thuận cho tham gia bảo hiểm với điều kiện tăng phí (nếu khách hàng đồng ý), ông K và bà T đã đồng ý tham gia sản phẩm Phú Toàn Gia Hưng Thịnh và ký Hợp đồng bảo hiểm số 73451814, tiếp đó ông A5 lại đến mời và tư vấn cho vợ chồng ông K bà T các sản phẩm khác của Công ty và được ông K và bà T đồng ý tiếp tục tham gia Hợp đồng bảo hiểm số 73493142 gói sản phẩm Phú Bảo Gia Hưng Thịnh do tính chất của sản phẩm bảo vệ đầu tư cao, do đó công ty có thư mời ông K đi khám sức khỏe tại Thọ Nhuộm - Hà Nội để khám (bà A6 là người trực tiếp đưa ông K đi khám), kết quả khám của ông K cũng được chuyển thẳng về Công ty và sau đó Công ty thông báo chấp thuận cho ông K tham gia Hợp đồng này, không lâu sau đó thì ông A5 và bà A6 lại đến tư vấn cho ông K và bà T tham gia các gói sản phẩm khác và ông K bà T đã tham gia ký kết thêm hai Hợp đồng bảo hiểm nữa với P, việc ký kết các Hợp đồng là tự nguyện và ông A5 cũng khẳng định ông K là người trực tiếp ký kết vào các đơn yêu cầu bảo hiểm và Hợp đồng bảo hiểm trước mặt vợ chồng ông, việc tham gia bảo hiểm của ông K và bà T là hoàn toàn tự nguyện.

- *Đại diện theo ủy quyền của ông A5 là bà A6 trình bày:* Việc tư vấn bảo hiểm cho ông K và bà T đầy đủ, thời điểm ký hợp đồng khách hàng có nói không có bệnh tật gì, trước khi ký hợp đồng địa phương đều xác định không thấy ông K có biểu hiện sức khỏe gì, ông K sức khỏe bình thường và đủ điều kiện ký hợp đồng.

Khi đến tư vấn Hợp đồng bảo hiểm cho vợ chồng Khải, T hầu hết bà đều có mặt, các Hợp đồng đều có chữ ký của ông K, bà khẳng định bà đều chứng kiến chính ông K là người ký tên trong các hợp đồng bảo hiểm.

- *Anh H trình bày:* Anh khẳng định khi tham gia bảo hiểm sức khỏe của ông K bình thường.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

* Nguyên đơn bà Đỗ Thị T giữ nguyên quan điểm như khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc Công ty TNHH bảo hiểm P Việt Nam phải thanh toán quyền lợi bảo hiểm nhân thọ cho bà với tổng 4 hợp đồng bảo hiểm theo quy định. Tại đơn khởi kiện bà T yêu cầu bị đơn phải thanh toán tổng số tiền bảo hiểm của 4 hợp đồng là 2.220.000.000 đồng, tại phiên tòa bà T xác định việc tính toán yêu cầu bảo hiểm trên là chưa chính xác, bà T sửa đổi yêu cầu khởi kiện, bà T yêu cầu bị đơn phải thanh toán quyền lợi bảo hiểm của 4 hợp đồng là 1.862.844.000 đồng.

Đối với về tiền lãi chậm trả quyền lợi bảo hiểm bà T tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc giao kết thực hiện 04 Hợp đồng bảo hiểm giữa vợ chồng bà với P được thực hiện như sau:

Phía đại lý nhiều lần đến T phục vụ động ông bà tham gia bảo hiểm sức khỏe cho mình, nhiều lần bà A6 và ông A5 đến tư vấn vợ chồng ông bà thấy cũng hợp lý nên đã chấp nhận tham gia bảo hiểm, sau đó ông A5 và bà A6 đã đưa cho vợ chồng bà Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm để ông bà nghiên cứu.... sau khi nhất trí thì trực tiếp ông bà là người điền và ký nhận vào hồ

sơ yếu cầu bảo hiểm, việc đánh dấu thông tin và ký vào hồ sơ yếu cầu bảo hiểm đều thực hiện trực tiếp trước mặt ông A5 và bà A6, sau đó ông A5 và bà A6 đã gửi hồ sơ yếu cầu bảo hiểm của vợ chồng bà lên Công ty bảo hiểm, sau mấy ngày thì Công ty có yêu cầu vợ chồng ông bà đi khám sức khỏe tại Phòng khám đa khoa Việt Pháp địa chỉ: X, hưng Yên và sau đó còn đi khám tại Phòng khám đa khoa Tuyết Thái 92 Thợ Nhuộm, sau khi khám xong ông bà không hề được nhận kết quả khám mà các phòng khám gửi thẳng kết quả khám cho Công ty bảo hiểm và sau đó khoảng gần 10 ngày, ông bà không nhớ cụ thể thì Công ty đã gửi Thông báo chấp thuận bảo hiểm cho vợ chồng bà.

Bà không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký của ông K trong 4 Hợp đồng bảo hiểm vì bà khẳng định 4 hồ sơ bảo hiểm đều do trực tiếp ông K là người ký, trong 4 hồ sơ bảo hiểm ngoài việc ông K ký vào hồ sơ yếu cầu bảo hiểm nhân thọ ra, thì ông K còn ký vào các Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm, cũng như khi đi khám bệnh tại các phòng khám do P chỉ A5 thì ông K còn ký kết vào các phiếu xét nghiệm tại phòng khám, mà chữ ký tại các phòng khám là chữ ký sau cùng trong hồ sơ bảo hiểm. Do vậy P cho rằng chữ ký tại hồ sơ yếu cầu bảo hiểm nhân thọ không phải chữ ký của ông K nên không thể hiện ý chí tham gia bảo hiểm của ông K là hoàn toàn không chính xác, vì nếu ông K không nhất trí giao kết Hợp đồng như P nói thì ông K đã không đi khám sức khỏe và ông K đã không nộp phí bảo hiểm, chữ ký trong hồ sơ đi khám sức khỏe của ông K để thể hiện được ý chí và nguyện vọng giao kết hợp đồng nên không thể nói ông K gian dối trong việc giao kết hợp đồng và không thể nói người được bảo hiểm không đồng ý như lập luận của P được, bà T xác định hiện nay gia đình không còn tài liệu lưu chữ ký của ông K nên nếu Tòa án trưng cầu giám định và yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan đến chữ ký của ông K gia đình bà không cung cấp được và bà T không yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký của ông K trong các Hợp đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T trình bày: Phía P giám định chữ ký của ông K và lấy nguồn so sánh là chữ ký phôi tô trong tang thư chứng minh thư nhân dân của ông K cách thời gian giao kết hợp đồng là trên 10 năm là không có cơ sở khoa học, không những vậy lại dùng chữ ký phôi tô, Viện khoa học hình sự cũng xác định thông báo kết quả này không thực hiện trong tố tụng nên đề nghị HĐXX bác bỏ trình bày này của P.

** Đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ P Việt Nam trình bày:* Phía P thừa nhận trình tự thủ tục giao kết Hợp đồng như bà T trình bày ở trên và Công ty có yêu cầu ông K đi khám sức khỏe tại các phòng khám sức khỏe như bà T trình bày, sau khi nhận được kết quả khám sức khỏe tại các phòng khám thì P mới chấp nhận yêu cầu bảo hiểm của ông K, P cũng khẳng định tại hồ sơ bảo hiểm của khách hàng K thì ngoài chữ ký trong hồ sơ yếu cầu bảo hiểm thì khách hàng K còn có chữ ký tại các Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm và chữ ký tại các phiếu xét nghiệm ở các phòng khám, P khẳng định chữ ký tại hồ sơ khám sức khỏe của ông K đúng là chữ ký của ông K trong hồ sơ bảo hiểm và P cũng khẳng định hồ sơ khám sức khỏe là một trong những giấy tờ gắn liền có trong bộ Hồ sơ bảo hiểm của khách hàng. P không lý giải được tại sao không lấy mẫu chữ ký của ông K tại hồ sơ khám sức khỏe để làm mẫu chữ ký so sánh mang đi giám định, tại phiên tòa hôm nay P khẳng định chữ ký tại hồ sơ khám sức khỏe là chữ ký của ông K và là chữ ký sau cùng có trong bộ hồ sơ yếu cầu bảo hiểm, trước khi P chấp nhận để ông K tham gia bảo hiểm. Prudential không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám

định lại chữ ký của ông K và cũng không cung cấp được nguồn chữ ký của ông K, ngoài chữ ký có trong bộ hồ sơ Hợp đồng bảo hiểm của ông K để đem đi so sánh giám định.

Ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn cụ thể:

1. P đã giám định chữ ký của ông K trong các Hợp đồng bảo hiểm đã ký kết với P kết quả chữ ký tại các Hợp đồng bảo hiểm không phải là chữ ký của ông K do vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 38 Luật kinh doanh bảo hiểm quy định “*Khi bên mua bảo hiểm giao kết Hợp đồng bảo hiểm con người cho trường hợp chết của người khác thì phải được người đó đồng ý bằng văn bản ...*”.

2. Về việc khai báo sức khỏe của người được bảo hiểm: Hồ sơ bệnh án số 11003797 của Bệnh viện đa khoa X, tỉnh Hưng Yên thể hiện năm 2011 ông K có nhập viện và xét nghiệm máu, nhưng tại hồ sơ yêu cầu bảo hiểm, người được bảo hiểm đã trả lời “không” vào câu hỏi về sức khỏe cụ thể:

Câu hỏi 6: *Trong vòng 5 năm qua, người được bảo hiểm có phải điều trị nội hoặc ngoại trú tại bệnh viện hoặc trung tâm y khoa nào? Nếu có vui lòng cho biết chi tiết: lúc nào, tên bệnh viện, lý do bao lâu?*

Câu hỏi 7: *Người được bảo hiểm đã từng thực hiện các xét nghiệm nào không? (siêu âm, điện tim, thử nước tiểu, thử máu, chụp X quang, chụp cắt lớp (CT), nội soi, sinh thiết...). Vui lòng ghi rõ loại xét nghiệm đã làm, kết quả, lý do và thời điểm thực hiện.*

Như vậy, bên mua bảo hiểm không khai báo thông tin trên tại hồ sơ yêu cầu bảo hiểm đã vi phạm nghĩa vụ được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 18 Luật kinh doanh bảo hiểm, đồng thời vi phạm nghĩa vụ được quy định tại Hợp đồng bảo hiểm nên P không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và P có nghĩa vụ hoàn trả toàn bộ cho nguyên đơn tổng số tiền phí đã nộp từ 04 hợp đồng bảo hiểm là 146.283.300đồng.

- Bà A6 trình bày: Bà và chồng bà có ký Hợp đồng đại lý bảo hiểm cho P và là tư vấn viên cho khách hàng K, Đỗ Thị T ký kết hợp đồng bảo hiểm, quá trình tư vấn bảo hiểm và thực hiện các bước giao kết Hợp đồng đúng như bà T trình bày ở trên. Bà A6 khẳng định A5 vợ chồng bà đã thực hiện đúng quy định của đại lý bảo hiểm đối với việc giao kết Hợp đồng bảo hiểm của vợ chồng ông K và bà T theo ủy quyền của Công ty.

Quá trình thực hiện tư vấn cho khách hàng mua bảo hiểm bà đã tư vấn đầy đủ, rõ ràng đảm bảo quyền và nghĩa vụ cho khách hàng. Quá trình tiếp xúc, tìm hiểu khách hàng, bà nhận thấy ông K hoàn toàn bình thường nên khi làm hồ sơ yêu cầu bảo hiểm tại mục khai báo về sức khỏe, tiền sử các bệnh thì khách hàng đều khai sức khỏe hoàn toàn bình thường, không có bệnh tật, sau khi khách hàng có đơn yêu cầu bảo hiểm thì vợ chồng bà đã gửi hồ sơ về Công ty để phía Công ty đi thẩm định, sau khi thẩm định Công ty đã yêu cầu khách hàng đi khám kiểm tra sức khỏe, sau đó mới thông báo chấp nhận cho khách hàng tham gia bảo hiểm, trong bốn hợp đồng bảo hiểm thì ông K được chỉ định khám ở hai nơi là Phòng khám đa khoa Việt Pháp tại X, Hưng Yên và phòng khám đa khoa Tuyết Thái 92 Thợ Nhuộm, sau khi nhận được kết quả khám sức khỏe của ông K thì Công ty mới thông báo chấp nhận cho khách hàng tham gia bảo hiểm. Đối với chữ ký của ông K trong các đơn yêu cầu bảo hiểm cũng như 04 Hợp đồng bảo hiểm, bà khẳng định đây là chữ ký của ông K và ông K là người ký trực tiếp trước sự chứng kiến của vợ chồng bà. Bà không yêu cầu trưng cầu giám định

chữ ký của ông K và cũng không cung cấp được nguồn chữ ký của ông K để đem đi so sánh giám định, tuy nhiên bà khẳng định chữ ký trong phiếu khám sức khỏe là chữ ký của ông K và phiếu khám sức khỏe nằm trong bộ hồ sơ Hợp đồng bảo hiểm, chữ ký này là chữ ký sau cùng trong bộ hồ sơ của khách hàng trước khi được Công ty chấp nhận bảo hiểm, không những vậy như P trình bày ở trên, trong bộ hồ sơ bảo hiểm của ông K còn có các chữ ký khác ở Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm như vậy đề nghị Tòa án xác định đây là ý trí của ông K về việc chấp nhận tham gia mua bảo hiểm và tham gia giao kết hợp đồng bảo hiểm, do vậy phía Công ty căn cứ vào chữ ký của ông K để thể hiện ý chí giao kết Hợp đồng của ông K là không có căn cứ và xác định có sự gian dối khi giao kết hợp đồng là không có cơ sở.

Quan điểm của bà đề nghị Tòa án chấp nhận Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị T.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về đường lối giải quyết vụ án đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị T.

Buộc P phải chi trả quyền lợi bảo hiểm của 04 Hợp đồng bảo hiểm như đã ký kết.

NHẬN A5 CỦA TOÀ ÁN:

[1] . Về tố tụng:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại các điều khoản của quy tắc bảo hiểm đều quy định về giải quyết tranh chấp trong các Hợp đồng bảo hiểm “ mọi tranh chấp liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm này, nếu không giải quyết được bằng thương lượng giữa các bên, sẽ được giải quyết tại Tòa án nơi P có trụ sở hoặc nơi người được bảo hiểm cư trú”. Trong quá trình thực hiện hợp đồng giữa các bên phát sinh tranh chấp nên Nguyên đơn là người được bảo hiểm khởi kiện yêu cầu Tòa án nơi mình cư trú giải quyết là đúng với thỏa thuận và phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Y thụ lý giải quyết vụ án theo yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà Đỗ Thị T là đúng thẩm quyền.

[2] Về Hợp đồng:

[2.1]. Hợp đồng số: 73493142 ngày cấp giấy chứng nhận 24/12/2015, ngày hợp đồng có hiệu lực là 18/12/2015, sản phẩm Phú - Bảo Gia Thịnh Vượng với mệnh giá bảo hiểm là: 600.000.000đồng người mua bảo hiểm là Đỗ Thị T, người được bảo hiểm là (1) K và (2) Nguyễn Thị T, người thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm là Nguyễn Ngọc C. Tổng phí bảo hiểm theo định kỳ là 60.0000.000 đồng/năm đã nộp 34.490.600đồng. Hợp đồng bảo hiểm do bà T và ông K trực tiếp ký kết thông qua tư vấn viên của Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ P Việt Nam là ông Nguyễn Văn A5 thời hạn bảo hiểm 34 năm.

[2.2] Hợp đồng số: 73509061 ngày cấp giấy chứng nhận 30/12/2015, ngày hợp đồng có hiệu lực là 29/12/2015, sản phẩm Phú - Toàn Gia Hưng Thịnh với mệnh giá bảo hiểm là: 800.000.000đồng người mua bảo hiểm là K, người được bảo hiểm là người mua bảo hiểm K, người được bảo hiểm là (1) Đỗ Thị T và (2) K. Tổng phí bảo hiểm theo định kỳ là 30.654.100 đồng/năm, đã nộp 38.498.800 đồng. Hợp đồng bảo hiểm do ông K và bà T trực

tiếp ký kết thông qua tư vấn viên của Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ P Việt Nam là ông Nguyễn Văn A5 thời hạn bảo hiểm 30 năm.

[2.3] Hợp đồng số: 73531856 ngày cấp giấy chứng nhận 05/02/2016, ngày hợp đồng có hiệu lực là 01/02/2016, sản phẩm Phúc - An Lộc với mệnh giá bảo hiểm là: 220.000.000đồng người mua bảo hiểm là K, người được bảo hiểm là K. Tổng phí bảo hiểm theo định kỳ là 20.003.400 đồng/năm, đã nộp đủ một năm. Hợp đồng bảo hiểm do ông K trực tiếp ký kết thông qua tư vấn viên của Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ P Việt Nam là ông Nguyễn Văn A5, thời hạn bảo hiểm 29 năm.

[2.4] Hợp đồng số: 73451814 ngày cấp giấy chứng nhận 31/10/2015 và có hiệu lực ngày 27/10/2015 với sản phẩm bảo hiểm Phú - Toàn Gia Hưng Thịnh với mệnh giá bảo hiểm 600.000.000đồng người mua bảo hiểm là Đỗ Thị T và người được bảo hiểm là (1) Đỗ Thị T và (2) K. Tổng phí bảo hiểm theo định kỳ là 31.766.100 đồng/năm, đã nộp đủ một năm. Hợp đồng bảo hiểm do bà T trực tiếp ký kết thông qua tư vấn viên của Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ P Việt Nam là ông Nguyễn Văn A5, thời hạn bảo hiểm 30 năm.

Việc ký kết và thực hiện các 04 Hợp đồng kể trên các bên đương sự đều thừa nhận và không có tranh chấp.

[3] Về nội dung tranh chấp:

- Đối với việc Prudentiel xác định ông K vi phạm nghĩa vụ về khai báo thông tin khi lập hồ sơ yêu cầu bảo hiểm, cụ thể ông K đã không khai báo việc mình từng nhập viện điều trị cho bệnh Ngộ độc rượu tại Bệnh viện đa khoa X, tỉnh Hưng Yên vào ngày 23/3 đến 24/3/2011 và đã thực hiện các xét nghiệm y tế trong lúc nằm viện.

Tại bệnh án số 11003797 của Bệnh viện đa khoa X thể hiện ông K nhập viện và điều trị tại khoa điều trị Ngộ độc rượu khi ra viện bệnh chính là Ngộ độc rượu.

Tại Công văn số 120/BV - KHTH ngày 21/5/2018 của Bệnh viện đa khoa X về việc trả lời TAND huyện Y đối với câu hỏi “Ngộ độc rượu có phải là bệnh lý không?”, Bệnh viện xác định theo “Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh nội khoa”, Bộ y tế - Bệnh viện Bạch Mai 2012, trang 160-162; và “Hướng dẫn chẩn đoán và xử trí ngộ độc”, Quyết định số 3610/QĐ-BYT ngày 31/8/2015 của Bộ trưởng Bộ y tế, thì “Ngộ độc rượu” là “tình trạng bệnh lý” có quy định mã bệnh tật cụ thể. Mã ICD: Ngộ độc rượu ethanol: T51.0; ngộ độc rượu Methanol: T51.1. Đối chiếu với hướng dẫn nêu trên thì Ngộ độc rượu là một tình trạng bệnh lý. Như vậy việc Ngộ độc rượu của ông K không phải là một Bệnh lý và phía P cũng xác định về việc mẫu hồ sơ yêu cầu bảo hiểm phần khai báo thông tin sức khỏe không có mục “ngộ độc rượu”. Trong quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn không đưa ra được bất cứ chứng cứ nào thể hiện trong quá trình thực hiện Hợp đồng bảo hiểm ông K đã phải đi điều trị bệnh lý liên quan đến rượu, như vậy phía P cho rằng ông K bị ngộ độc rượu mà không khai báo là cố tình khai báo không trung thực và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin là không có căn cứ.

Việc P cho rằng tại các câu hỏi số 6 và số 7 của Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm có các câu hỏi:

6. Câu hỏi: *Trong vòng 5 năm qua, người được bảo hiểm có phải điều trị nội hoặc ngoại trú tại bệnh viện hoặc trung tâm y khoa nào? Nếu có vui lòng cho biết chi tiết: lúc nào, tên bệnh viện, lý do bao lâu?*

7. Câu hỏi: *Người được bảo hiểm đã từng thực hiện các xét nghiệm nào không? (siêu âm, điện tim, thử nước tiểu, thử máu, chụp X quang, chụp cắt lớp (CT), nội soi, sinh thiết...).* Vui lòng ghi rõ loại xét nghiệm đã làm, kết quả, lý do và thời điểm thực hiện.

Ông K đã đánh dấu vào ô “không” là không trung thực trong kê khai mà ông K phải tích vào ô “có” khi trả lời các câu hỏi trên, sau đó ông K tiếp tục cần nêu rõ là đã từng nhập viện điều trị tại Bệnh viện đa khoa X, lý do là “ngộ độc rượu”...việc ông K không kê khai thông tin này đã khiến cho công ty *đánh giá không chính xác các rủi ro mà mình phải gánh chịu* khi chấp thuận bảo hiểm cho ông K và việc này đã *làm ảnh hưởng nghiêm trọng* đến quyền lợi của công ty.

Xét thấy tại hồ sơ yêu cầu bảo hiểm về phần kê khai thông tin sức khỏe không có câu hỏi nào về “ngộ độc rượu”, phía Bệnh viện xác định “ngộ độc rượu” không phải là một “Bệnh lý” mà chỉ là một “Tình trạng bệnh lý” nên sau khi vào Bệnh viện đa khoa X giải độc xong thì ông K ra viện ngay, không phải điều trị như những bệnh lý. Mặt khác phía công ty cũng không đưa ra được những bệnh lý nào làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyết định chấp thuận bảo hiểm, như vậy để xác định những bệnh lý dẫn đến việc từ chối bảo hiểm của P phải là những “bệnh lý nghiêm trọng”, không những vậy trước khi chấp thuận để ông K tham gia bảo hiểm, phía P cũng đã nhiều lần đưa ông K đi thăm khám tại các cơ sở y tế do P chỉ định và kết quả cho thấy không phát hiện dấu hiệu của một căn bệnh nào dẫn đến việc P từ chối ký kết Hợp đồng với ông K. Do đó, không đủ cơ sở xác định ông K cảm thấy cơ thể bất thường mới mua bảo hiểm của P. Như vậy, chưa đủ cơ sở xác định ông K có gian dối khi ký 04 Hợp đồng bảo hiểm, không có cơ sở xác định ông K tích vào ô “không” của các câu hỏi trên tại Đơn yêu cầu bảo hiểm làm ảnh hưởng trực tiếp đến việc Công ty có xem xét để ký Hợp đồng bảo hiểm với ông K hay không.

Trên thực tế bản thân phía Công ty đã cung cấp cho Tòa án Hồ sơ tham gia bảo hiểm của ông Đỗ Mạnh H, trong đơn yêu cầu bảo hiểm ông H có kê khai thông tin tại câu hỏi số 6 và 7 trong hồ sơ yêu cầu bảo hiểm ông Hà của cho rằng ông đã từng nhập viện vì Ngộ độc rượu và ông H cũng cung cấp bệnh án việc nhập viện của mình nhưng P vẫn chấp thuận để ông H tham gia ký kết Hợp đồng bảo hiểm với Công ty, điều này cho thấy Ngộ độc rượu được xem là không ảnh hưởng nghiêm trọng nên Công ty đã bán bảo hiểm với mức phí bình thường như trường hợp khác. Từ đó cho thấy việc người mua bảo hiểm không khai việc đã từng điều trị ngộ độc rượu cũng không làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyết định của Công ty trong việc đánh giá chấp nhận có hay không việc ký kết hợp đồng bảo hiểm, nên theo quy định tại quy tắc và điều khoản của sản phẩm bảo hiểm Phú - Toàn Gia Hưng Thịnh, Phú - Bảo Gia Hưng Thịnh và Phú - An Lộc của P có nội dung: “*trong trường hợp Bên mua bảo hiểm hoặc người được bảo hiểm vi phạm quy định tại Điều 12.2a nhưng việc vi phạm này **không làm ảnh hưởng** tới quyết A5 chấp thuận bảo hiểm hoặc quyết định khôi phục hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm hoặc quyết định tăng số tiền bảo hiểm, P sẽ vẫn chi trả quyền lợi bảo hiểm theo quy tắc, điều khoản này*” và Điều 11.2a của Phú - An Lộc “*Trong trường hợp bên mua bảo hiểm cung cấp, kê khai không chính xác, không trung thực hoặc thiếu sót các **thông tin quan trọng** mà nếu biết được các thông tin này P đã không chấp nhận bảo hiểm*”. Như vậy phía P đã không có một tiêu chí cụ thể để giải quyết trường hợp trên, do đó cụm từ “**đánh giá rủi ro**” và “**ảnh hưởng nghiêm trọng**” của Công ty đưa ra phải được

hiểu theo nghĩa những bệnh và những thông tin người được bảo hiểm hoặc người mua bảo hiểm kê khai dẫn đến việc từ chối không được mua bảo hiểm. Do đó, không phải trường hợp nào khi người mua bảo hiểm kê khai không trung thực cũng dẫn đến việc công ty không chấp thuận bảo hiểm. Điều này cho thấy sự không rõ ràng trong Hợp đồng theo mẫu của Công ty, nên căn cứ khoản 2 Điều 407 Bộ luật dân sự quy định “Trong trường hợp hợp đồng theo mẫu có điều khoản không rõ ràng thì bên đưa ra hợp đồng theo mẫu phải chịu bất lợi khi giải thích điều khoản đó” và Điều 21 - Luật kinh doanh bảo hiểm quy định: “Trong trường hợp hợp đồng bảo hiểm có điều khoản không rõ ràng thì điều khoản đó được giải thích theo hướng có lợi cho bên mua bảo hiểm” nên phải hiểu và giải thích điều khoản này theo hướng có lợi cho bà T.

Tại bản tự khai và các văn bản khác của P gửi đến Tòa án, phía P cho rằng đã giám định chữ ký của ông K trong các Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm đã ký kết với P kết quả chữ ký tại các hồ sơ yêu cầu bảo hiểm không phải là chữ ký của ông K, như vậy dựa vào kết luận trên, có cơ sở để cho rằng người được bảo hiểm K đã không ký, viết tên trên các hồ sơ yêu cầu bảo hiểm. Do đó, các hồ sơ bảo hiểm và Hợp đồng bảo hiểm này chưa thể hiện ý chí của ông K nên căn cứ vào khoản 1 Điều 38 Luật kinh doanh bảo hiểm quy định “*Khi bên mua bảo hiểm giao kết Hợp đồng bảo hiểm con người cho trường hợp chết của người khác thì phải được người đó đồng ý bằng văn bản ...*” là chưa có căn cứ vì:

Thứ nhất: Việc giám định và kết luận giám định chữ ký của ông K là không có cơ sở khoa học bởi:

- Nguồn chữ ký đem đi để so sánh khi giám định là chữ ký ở bản phô tô (BL 171);
- Chữ ký đem đi so sánh không cùng thời điểm giao kết hợp đồng (Giao kết hợp đồng năm 2015, chữ ký trong tờ khai chứng minh thư nhân dân của ông K năm 2008) (BL 172-187);
- Thực tế tại Thông báo số 624/C54-P5) ngày 30/5/2016 của Viện Khoa học hình sự - Tổng Cục Cảnh sát về việc giám định tài liệu là các bản sao trong Thông báo có ghi “*Từ ngày 06/6/2016, Viện khoa học hình sự, Phòng kỹ thuật hình sự thuộc Công an các tỉnh và thành phố không nhận giám định chữ viết, chữ ký, hình dấu sao chụp (photocopy, fax, ảnh.....).*”

Tại Công văn số 140/C09C-Đ2 ngày 15/6/2021 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng - Viện Khoa học hình sự về việc trả lời Quyết định thu thập tài liệu, chứng cứ Tòa án xác định: Công văn số: 129/C54C(Đ2) ngày 30/10/2017 của Phân viện khoa học hình sự tại TP.Đà Nẵng không phải là Kết luận giám định (nguồn chứng cứ trong tố tụng) mà chỉ là thông báo kết quả giám định.

Như vậy kết luận giám định này chưa có cơ sở khoa học để xác định đây là chữ ký của ông K.

Thứ hai: Phía Đại lý ông A5 và bà A6 đều xác định, trước khi giao kết hợp đồng với bà T và ông K, nhiều lần ông và vợ ông phải đến tận nhà bà T và ông K để tư vấn và mời tham gia bảo hiểm thì ông K và bà T mới đồng ý tham gia Hợp đồng bảo hiểm, những lần tư vấn đều gặp trực tiếp ông K và bà T, không những vậy ông A5 và bà A6 còn khẳng định ông K là người trực tiếp ký vào Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm trước mặt cả ông A5 bà A6, lời trình bày này của ông A5, bà A6 phù hợp với hồ sơ yêu cầu bảo hiểm phía phân người làm chứng ông

A5 cũng khẳng định những người này đồng ý tham gia ký trước mặt ông, phía ông Hòa cũng xác định ông cùng ông A5 là người tham gia trực tiếp tư vấn cho ông K.

Phía Công ty cũng như ông A5 và bà A6 đều thừa nhận trước khi chấp nhận để ông K tham gia bảo hiểm thì Công ty đều có thư mời ông K đi khám sức khỏe và ông A5, bà A6 đều trực tiếp đưa ông K đi khám sức khỏe. Tại phiên tòa bà A6 xác định, sau khi nhận được thư mời đi khám sức khỏe của Công ty, bà A6 và ông A5 là người trực tiếp đưa ông K đi khám tại phòng khám đa khoa X, Hưng Yên và Phòng khám Đa khoa Tuyệt Thái 92 Thợ Nhuộm, Tại các phòng khám họ đều yêu cầu ông K làm thủ tục và xuất trình chứng minh thư nhân dân, khi khám xong phòng khám không thông báo kết quả khám cho ông K mà niêm phong kết quả và gửi về Công ty P, sau đó P mới gửi thư chấp nhận cho ông K và bà T tham gia bảo hiểm, mặt khác tại hồ sơ yêu cầu bảo hiểm ông K tham gia ký rất nhiều chữ ký, kể cả chữ ký tại phiếu khám bệnh, chữ ký này được P thừa nhận tại phiên tòa là đúng chữ ký của ông K. Tại phiên tòa phía P và bà A6 đều thừa nhận trong bộ hồ sơ Hợp đồng bảo hiểm ngoài chữ ký tại hồ sơ yêu cầu bảo hiểm nhân thọ ra thì khách hàng còn ký vào các Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm và phiếu khám sức khỏe đây là tài liệu nằm trong Hồ sơ bảo hiểm của khách hàng. Như vậy P chỉ căn cứ vào chữ ký trong hồ sơ yêu cầu bảo hiểm nhân thọ của khách hàng để xác định ý chí của khách hàng khi tham gia bảo hiểm là không có cơ sở chấp nhận và thực tế ông K và bà T đã ký kết các Hợp đồng bảo hiểm và đã nộp phí bảo hiểm trên cơ sở tự nguyện điều này đã thể hiện ý chí và nguyện vọng của người tham gia bảo hiểm.

Tại hồ sơ Hợp đồng bảo hiểm số 73493142 ngày cấp giấy chứng nhận 24/12/2015, ngày hợp đồng có hiệu lực là 18/12/2015, sản phẩm Phú Toàn Gia Hưng Thịnh với mệnh giá bảo hiểm là: 600.000.000 đồng người mua bảo hiểm là Đỗ Thị T, người được bảo hiểm là K, người thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm là Nguyễn Ngọc A. Tại hồ sơ Hợp đồng bảo hiểm này, ông K không những tham gia ký vào Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm, mà ông K còn trực tiếp được đại lý bảo hiểm đưa đi khám sức khỏe tại Phòng khám Đa khoa Tuyệt Thái 92 Thợ Nhuộm vào ngày 22/12/2015, ngày 23/12/2015 và tại đây ông K đã làm phiếu xét nghiệm mã số 21 ngày 22/12/2015, phiếu điện tim ngày 23/12/2015 (BL: 513-518), tại các phiếu này đều có chữ ký của ông K do vậy đã thể hiện được ý chí của ông K bằng văn bản khi đồng ý để bà T mua bảo hiểm cho mình và thực tế ông K đã trực tiếp cùng đại lý bảo hiểm theo yêu cầu của Công ty đi khám sức khỏe để thực hiện cho Hợp đồng bảo hiểm này.

Tại hồ sơ Hợp đồng bảo hiểm số: 73451814 ngày cấp giấy chứng nhận 31/10/2015 và có hiệu lực ngày 27/10/2015 với sản phẩm bảo hiểm Phú Toàn Gia Hưng Thịnh với mệnh giá bảo hiểm 600.000.000 đồng người mua bảo hiểm là Đỗ Thị T và người được bảo hiểm là Đỗ Thị T và K. Tại hồ sơ Hợp đồng bảo hiểm này, ông K cũng không những tham gia ký vào Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm, mà ông K còn trực tiếp được đại lý bảo hiểm đưa đi khám sức khỏe tại Hồ sơ sức khỏe được thực hiện tại Phòng khám thẩm định y khoa P ngày 30/10/2015 (BL 519) có chữ ký của ông K do vậy đã thể hiện được ý chí của ông K bằng văn bản khi đồng ý để bà T mua bảo hiểm cho mình và thực tế ông K đã trực tiếp cùng đại lý bảo hiểm theo yêu cầu của Công ty đi khám sức khỏe để thực hiện cho Hợp đồng bảo hiểm này.

Do vậy việc P cho rằng chữ ký trong Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm của các Hợp đồng bảo hiểm mà ông K đã tham gia là vi phạm khoản 1 Điều 38 Luật kinh doanh bảo hiểm quy định

“Khi bên mua bảo hiểm giao kết Hợp đồng bảo hiểm con người cho trường hợp chết của người khác thì phải được người đó đồng ý bằng văn bản ...” là không có căn cứ. P từ chối việc chi trả bảo hiểm cho bà Đỗ Thị T là trái với các thỏa thuận mà hai bên đã ký kết, trái với quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 được sửa đổi bổ sung năm 2019 theo Luật số 42/2019/QH14 ngày 14/6/2019.

Chính vì vậy HĐXX thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 được sửa đổi bổ sung năm 2019 theo Luật số 42/2019/QH14 ngày 14/6/2019.

Về mức bồi thường:

1. Hợp đồng bảo hiểm số 73493142 với sản phẩm Phú - Bảo Gia Thịnh Vượng tại mục 7 và 5 Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm của Hợp đồng trong Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm Phú - Bảo Gia Thịnh Vượng kèm theo Hợp đồng bảo hiểm số 73493142 mà các bên đã tham gia ký kết ngày 18/12/2015 ngày cấp Giấy chứng nhận 24/12/2015 quy định *“Dành cho người được bảo hiểm: sản phẩm: Phú – Bảo Gia Thịnh Vượng; sự kiện bảo hiểm: Tử vong hoặc thương tật toàn bộ và vĩnh viễn; Quyền lợi bảo hiểm: 600.000.000đồng và 100% giá trị quỹ của hợp đồng”* tại mục 5 của Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm xác định giá trị quỹ thấp là 22.844.000đồng, trung bình là 24.228.000đồng và cao là 24.921.000đồng. Hợp đồng chấm dứt. Tại phiên tòa bà T tự nguyện nhận giá trị ký quỹ ở mức thấp. Do đó tại thời điểm ông K là người được bảo hiểm chính theo Hợp đồng, tử vong thì người được bảo hiểm là bà Đỗ Thị T có quyền yêu cầu P chi trả quyền lợi tử vong với số tiền **600.000.000đồng + 22.844.000** đồng. Hợp đồng chấm dứt.

2. Hợp đồng bảo hiểm số 73509061 với sản phẩm Phú - Toàn Gia Hưng Thịnh. tại mục C minh họa quyền lợi bảo hiểm của Hợp đồng trong Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm Phú - Toàn Gia Hưng Thịnh kèm theo Hợp đồng bảo hiểm số 73509061 mà các bên đã tham gia ký kết ngày 29/12/2015 ngày cấp Giấy chứng nhận 30/12/2015 quy định: *“Dành cho người được bảo hiểm bổ sung K: sản phẩm: Bảo hiểm nhân thọ kỳ hạn; sự kiện bảo hiểm: Tử vong; Quyền lợi bảo hiểm: 200.000.000đồng và bảo hiểm từ bỏ thu phí người hôn phối; sự kiện bảo hiểm: Tử vong hoặc thương tật toàn bộ và vĩnh viễn; Quyền lợi bảo hiểm: Miễn đóng phí trong tương lai cho toàn bộ hợp đồng”*. Do đó tại thời điểm ông K là người được bảo hiểm bổ sung theo Hợp đồng, tử vong thì người được bảo hiểm là bà Đỗ Thị T có quyền yêu cầu P chi trả quyền lợi tử vong với số tiền **200.000.000đồng** và Hợp đồng tiếp tục có hiệu lực, miễn đóng phí trong tương lai cho toàn bộ hợp đồng đối với bà T.

3. Hợp đồng bảo hiểm số 73451814 với sản phẩm Phú - Toàn Gia Hưng Thịnh. tại mục C minh họa quyền lợi bảo hiểm của Hợp đồng trong Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm Phú – Toàn Gia Hưng Thịnh kèm theo Hợp đồng bảo hiểm số 73451814 mà các bên đã tham gia ký kết ngày cấp giấy chứng nhận 31/10/2015 và có hiệu lực ngày 27/10/2015 quy định *“Phần Dành cho người được bảo hiểm chính K: sản phẩm: Phú – Toàn gia Hưng Thịnh; sự kiện bảo hiểm: Tử vong hoặc thương tật toàn bộ và vĩnh viễn; Quyền lợi bảo hiểm: Giá trị nào lớn hơn giữa 600.000.000đồng hoặc giá trị tài khoản tích lũy thêm”*. Do đó tại thời điểm ông K là người được bảo hiểm chính theo Hợp đồng, tử vong thì người được bảo hiểm là bà Đỗ Thị T có quyền yêu cầu P chi trả quyền lợi tử vong với số tiền **600.000.000đồng** và Hợp đồng chấm dứt.

4. Hợp đồng bảo hiểm số: 73531856 ngày cấp giấy chứng nhận 05/02/2016, ngày hợp đồng có hiệu lực là 01/02/2016, sản phẩm Phúc – An Lộc với mệnh giá bảo hiểm là: 220.000.000đồng người mua bảo hiểm là K, người được bảo hiểm là K. tại mục 3 minh họa quyền lợi bảo hiểm của Hợp đồng trong Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm Phú – An Lộc kèm theo Hợp đồng bảo hiểm số 73531856 mà các bên đã tham gia ký kết ngày cấp giấy chứng nhận 05/02/2016 và có hiệu lực ngày 01/02/2016 quy định “ *Phần Dành cho người được bảo hiểm chính K: sản phẩm: Phú – An Lộc; sự kiện bảo hiểm: Tử vong khi chưa nhận quyền lợi bệnh hiểm nghèo lần thứ nhất; Quyền lợi bảo hiểm: 440.000.000 đồng và sự kiện bảo hiểm: Tử vong khi đã nhận Quyền lợi bệnh hiểm nghèo lần thứ nhất; Quyền lợi bảo hiểm: 220.000.000đồng*”.

Phía nguyên đơn bà T xác định ông K chưa nhận quyền lợi bệnh hiểm nghèo lần nào, phía bị đơn cũng thừa nhận điều này. Do đó tại thời điểm ông K là người được bảo hiểm chính theo Hợp đồng, tử vong thì người được bảo hiểm là bà Đỗ Thị T có quyền yêu cầu P chi trả quyền lợi tử vong với số tiền **440.000.000đồng** và Hợp đồng chấm dứt.

Về tiền lãi chậm trả quyền lợi bảo hiểm: Tại phiên tòa bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xét.

Về án phí: Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ P Việt Nam phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 38.220.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002670 ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Hưng Yên theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39; Điều 40; khoản 1 Điều 147, Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; các Điều 75, 87, 398, 401, 357, 468 và khoản 6 Điều 402 của Bộ luật dân sự; khoản 10 Điều 3 và các Điều 12, 13, 15, 17, 18, 19, 21, 28, 30, 31 và Điều 32 Luật kinh doanh bảo hiểm;

Án lệ số 22/2018/AL ngày 17/10/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao.

Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị T. Buộc Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ P Việt Nam phải chịu trách nhiệm chi trả cho bà Đỗ Thị T, sinh năm 1972, địa chỉ: thôn Trai Trang, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên số tiền bảo hiểm của 04 Hợp đồng bảo hiểm là **1.862.844.000đồng** (*Một tỷ tám trăm sáu mươi hai triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*).

Hợp đồng bảo hiểm số 73509061 với sản phẩm Phú - Toàn Gia Hưng Thịnh mà các bên đã tham gia ký kết ngày 29/12/2015 ngày cấp Giấy chứng nhận 30/12/2015 vẫn tiếp tục thực hiện, miễn đóng phí trong tương lai cho toàn bộ hợp đồng đối với bà T.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền người phải thi hành án phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ P Việt Nam phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **67.885.000** đồng (*Sáu mươi bảy triệu tám trăm tám mươi năm nghìn đồng*).

Hoàn trả cho bà Đỗ Thị T số tiền tạm ứng án phí là **38.220.000** đồng (*Ba mươi tám triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0002670 ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THA huyện Y;
- TAND tỉnh Hưng Yên
- UBND thị trấn Y;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Nhiên

